

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(đã được soát xét)

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	04 -05
Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét	06-41
Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ	06-07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ	09-10
Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ	11-41

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Phạm Văn Hiệp	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đình Trung	Thành viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Thành viên
Ông Nguyễn Việt Hưng	Thành viên
Ông Đỗ Xuân Bình	Thành viên

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Nguyễn Đình Trung	Giám đốc
Ông Lê Ngọc Dũng	Phó Giám đốc
Ông Phan Trung Nghĩa	Phó Giám đốc
Ông Bùi Hữu Lạc	Phó Giám đốc
Ông Trương Văn Thục	Phó Giám đốc

Các thành viên của Ban Kiểm soát bao gồm:

Bà Lý Thu Vân	Trưởng ban
Bà Hà Thị Thanh Hậu	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Thu Hòa	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện soát xét các Báo cáo tài chính riêng cho Công ty,

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hay không;
- Lập và trình bày các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ;
- Lập các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Thay mặt Ban Giám đốc



Nguyễn Đình Trung

Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2016.

Số: 1751/2016/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: **Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được lập ngày 10 tháng 07 năm 2016, từ trang 06 đến trang 41, bao gồm: Bảng cân đối kế toán riêng giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí tại ngày 30 tháng 06 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC



Nguyễn Thanh Tùng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán

Số: 0063-2013-002-1

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thí, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2016

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		398.751.455.040	552.677.912.771
110	L. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	89.772.453.465	93.785.697.911
111	1. Tiền		4.463.187.145	9.250.054.352
112	2. Các khoản tương đương tiền		85.309.266.320	84.535.643.559
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		238.206.937.453	295.850.898.535
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	279.772.145.122	352.833.343.426
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	10.834.865.714	5.335.029.839
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	8	21.873.591.195	14.762.316.228
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	10	(74.273.664.578)	(77.079.790.958)
140	IV. Hàng tồn kho	11	67.497.601.553	150.906.860.412
141	1. Hàng tồn kho		67.497.601.553	150.906.860.412
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		3.274.462.569	12.134.455.913
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	15	67.705.869	80.917.212
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		2.914.725.711	11.794.691.210
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	18	292.030.989	258.847.491
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		279.053.795.698	190.612.674.588
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.000.000.000	1.000.000.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	8	1.000.000.000	1.000.000.000
220	II. Tài sản cố định		11.878.515.217	1.604.852.716
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	1.252.241.017	1.604.852.716
222	- Nguyên giá		7.693.460.587	7.693.460.587
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.441.219.570)	(6.088.607.871)
227	2. Tài sản cố định vô hình	13	10.626.274.200	-
228	- Nguyên giá		11.509.239.200	882.965.000
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(882.965.000)	(882.965.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	14	2.242.763.659	4.213.884.979
231	- Nguyên giá		17.545.622.940	17.545.622.940
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(15.302.859.281)	(13.331.737.961)
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	5	222.333.526.021	140.592.047.221
251	1. Đầu tư vào công ty con		79.628.213.760	79.628.213.760
252	2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		1.447.257.429	1.447.257.429
253	3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		156.644.151.082	74.902.672.282
254	4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(15.386.096.250)	(15.386.096.250)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		41.598.990.801	43.201.889.672
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	15	41.598.990.801	43.201.889.672
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		677.805.250.738	743.290.587.359

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘTại ngày 30 tháng 06 năm 2016
(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	30/06/2016	01/01/2016
			VND	VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		248.926.492.345	309.711.421.338
310	I. Nợ ngắn hạn		242.080.257.809	302.865.186.802
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	16	34.647.200.812	62.168.456.675
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	17	2.536.982.376	31.427.280.246
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	18	10.153.009.410	8.286.067.522
314	4. Phải trả người lao động		3.055.305.514	1.894.898.469
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	19	16.603.300.209	14.132.502.465
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		-	105.750.000
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	20	45.320.827.755	29.698.975.037
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	21	127.983.379.943	155.110.562.739
322	9. Quỹ khen thưởng phúc lợi		1.780.251.790	40.693.649
330	II. Nợ dài hạn		6.846.234.536	6.846.234.536
337	1. Phải trả dài hạn khác	20	6.846.234.536	6.846.234.536
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		428.878.758.393	433.579.166.021
410	I. Vốn chủ sở hữu	22	428.878.758.393	433.579.166.021
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		386.386.000.000	386.386.000.000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		386.386.000.000	386.386.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển		16.079.821.536	15.158.267.465
421	3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		26.412.936.857	32.034.898.556
421a	LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		13.814.796.344	18.946.186.879
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		12.598.140.513	13.088.711.677
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		677.805.250.738	743.290.587.359


Lý Lệ Ninh
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởngNguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	
			2016	2015
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	24	310.131.702.798	309.412.567.075
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		310.131.702.798	309.412.567.075
11	4. Giá vốn hàng bán	25	290.470.894.036	299.408.420.292
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		19.660.808.762	10.004.146.783
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	26	13.766.922.409	6.705.714.261
22	7. Chi phí tài chính	27	1.663.713.737	2.345.932.401
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>1.661.284.093</i>	<i>433.982.832</i>
25	8. Chi phí bán hàng	28	3.045.484.750	2.124.784.994
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	29	8.290.642.111	6.105.384.076
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		20.427.890.573	6.133.759.573
31	11. Thu nhập khác		4.130.038	52.782.415
32	12. Chi phí khác	30	7.833.880.098	202.865.844
40	13. Lợi nhuận khác		(7.829.750.060)	(150.083.429)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		12.598.140.513	5.983.676.144
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		12.598.140.513	5.983.676.144



Lý Lệ Ninh
Người lập



Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		12.598.140.513	5.983.676.144
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.323.733.019	2.687.380.575
03	- Các khoản dự phòng		(2.806.126.380)	(5.367.636.498)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		376.669	(288.105.036)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(13.766.922.409)	(6.358.581.595)
06	- Chi phí lãi vay		1.661.284.093	433.982.832
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		10.485.505	(2.909.283.578)
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(15.686.882.976)	3.439.251.725
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		83.409.258.859	(379.623.234)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(51.082.055.289)	8.413.751.340
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		1.616.110.214	709.932.825
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.430.073.142)	(291.407.926)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		-	(3.833.634.416)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	6.294.512
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(103.550.000)	(634.256.480)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		16.733.293.171	4.521.024.768
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		-	9.000.000
27	2. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6.382.921.848	6.325.426.594
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.382.921.848	6.334.426.594
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	1. Tiền thu từ đi vay		19.216.082.625	49.432.485.024
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(46.343.265.421)	(9.449.073.025)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.900.000)	(310.964.451)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(27.129.082.796)	39.672.447.548

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tráng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ*Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016
(Theo phương pháp gián tiếp)*

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	6 tháng đầu năm	6 tháng đầu năm
			2016	2015
			VND	VND
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(4.012.867.777)	50.527.898.910
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		93.785.697.911	38.308.697.906
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(376.669)	292.805.037
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	4	<u>89.772.453.465</u>	<u>89.129.401.853</u>


Lý Lệ Ninh
Người lập

Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởngNguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí được thành lập trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Máy và Phụ tùng theo Quyết định số 517/QĐ-DKVN ngày 14 tháng 03 năm 2008 và Quyết định số 4779/QĐ-DKVN ngày 07 tháng 07 năm 2008 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 0101394512, đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 03 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03 tháng 01 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 386.386.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 30 tháng 06 năm 2016 là 386.386.000.000 đồng; tương đương 38.638.600 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh thương mại và cho thuê bất động sản đầu tư.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là:

- Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động của các Trung tâm, đại lý tư vấn, giới thiệu và môi giới lao động, việc làm (không bao gồm môi giới, giới thiệu, tuyển dụng và cung ứng lao động cho các Doanh nghiệp có chức năng xuất khẩu lao động và cung ứng, quản lý người lao động đi làm việc ở nước ngoài);
- Hoạt động dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho ngoại quan.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính riêng

Năm 2015, Công ty đã ký được gói thầu thiết kế và cung cấp thiết bị cho dự án Cao tốc Hà Nội - Hải Phòng với giá trị hợp đồng lớn. Sang kỳ này Công ty đã được nghiệm thu và thanh toán một phần hạng mục công việc, điều này làm cho doanh thu từ hoạt động xây dựng của Công ty tăng đột biến trong kỳ. Bên cạnh đó, do hoạt động thương mại (chủ yếu là buôn bán mặt hàng thép) có tỷ suất lợi nhuận thấp nên Công ty đang định hướng thu hẹp quy mô kinh doanh mảng hoạt động này, thể hiện ở doanh thu kinh doanh thương mại sụt giảm mạnh trong kỳ. Nhờ định hướng kinh doanh như vậy nên Công ty vẫn đạt được kết quả tốt trong việc tăng trưởng lợi nhuận của hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Cấu trúc doanh nghiệp

Công ty cổ các đơn vị trực thuộc sau:	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
Trung tâm Hợp tác lao động và Dịch vụ quốc tế - Chi nhánh Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí	Hà Nội	Dịch vụ quản lý thực tập sinh

Thông tin về các công ty con, công ty liên kết của Công ty xem chi tiết tại Thuyết minh số 5.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các nghiệp vụ, giao dịch phát sinh và được ghi sổ kế toán tại các đơn vị thành viên hạch toán phụ thuộc và tại Văn phòng Công ty.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty, các nghiệp vụ giao dịch nội bộ và số dư nội bộ có liên quan đến tài sản, nguồn vốn và công nợ phải thu, phải trả nội bộ đã được loại trừ toàn bộ.

Những người sử dụng các Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nên đọc các Báo cáo tài chính riêng kết hợp với các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016 để có đủ thông tin về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của cả Tập đoàn.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính riêng được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với các khoản đầu tư vào công ty con và công ty liên kết: căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con, công ty liên kết tại thời điểm trích lập dự phòng. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong kế hoạch khi quyết định đầu tư.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: việc trích lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm gần nhất của bên nhận đầu tư.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ: Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo từng công trình chưa hoàn thành hoặc chưa ghi nhận doanh thu, tương ứng với khối lượng công việc còn dở dang cuối kỳ.

2.10 . Tài sản cố định và Bất động sản đầu tư

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25	năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 10	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 - 07	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07	năm
- Phần mềm quản lý	03	năm

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	04 - 25	năm
- Quyền sử dụng đất	04	năm

2.11 . Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Các bên tham gia liên doanh cùng mở sổ kế toán để ghi chép và phản ánh trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của mình các nội dung sau đây:

- Tài sản góp vốn liên doanh và chịu sự kiểm soát của bên góp vốn liên doanh;
- Các khoản nợ phải trả phải gánh chịu;
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh;
- Chi phí phải gánh chịu.

Các bên thực hiện phân chia doanh thu từ việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh, phân chia chi phí chung theo các thỏa thuận trong Hợp đồng liên doanh.

2.12 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 10 năm.

2.13 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.14 . Vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.15 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

2.16 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tính hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Đại hội đồng cổ đông.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu, chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**3 . ĐIỀU CHỈNH HỒI TỐ THEO QUYẾT ĐỊNH CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty đã quyết định điều chỉnh hồi tố một số chỉ tiêu trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ như sau:

	Mã số	Số liệu đã kiểm toán năm trước VND	Số liệu điều chỉnh theo quyết định của Ban Giám đốc VND	Chênh lệch VND	Ghi chú
Bảng cân đối kế toán					
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	35.561.639.731	14.132.502.465	(21.429.137.266)	(1)
Phải trả ngắn hạn khác	319	8.269.837.771	29.698.975.037	21.429.137.266	(1)

(1) Khoản điều chỉnh là khoản trích trước chi phí lãi vay phải trả về Cổ phần hóa. Đây bản chất cũng là khoản phải trả liên quan đến cổ phần hóa nên Ban Giám đốc quyết định điều chỉnh khoản trích trước này sang mục phải trả ngắn hạn khác, chi tiết phải trả về cổ phần hóa.

4 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Tiền mặt	2.506.774.220	193.620.540
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.956.412.925	9.056.433.812
Các khoản tương đương tiền	85.309.266.320	84.535.643.559
	89.772.453.465	93.785.697.911

Tại 30/06/2016, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn từ 01 tháng đến 03 tháng được gửi tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam với lãi suất từ 4,6%/năm đến 6%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

5 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Dư phòng	Giá gốc	Dư phòng
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư vào Công ty con	79.628.213.760	(11.048.337.685)	79.628.213.760	(11.048.337.685)
- Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	30.000.000.000	(11.048.337.685)	30.000.000.000	(11.048.337.685)
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng	49.628.213.760	-	49.628.213.760	-
Đầu tư vào Công ty liên kết	1.447.257.429	(1.055.420.887)	1.447.257.429	(1.055.420.887)
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	1.447.257.429	(1.055.420.887)	1.447.257.429	(1.055.420.887)
Đầu tư vào đơn vị khác	156.644.151.082	(3.282.337.678)	74.902.672.282	(3.282.337.678)
- Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	2.016.000.000	(2.016.000.000)	2.016.000.000	(2.016.000.000)
- Công ty TNHH FCC Việt Nam	16.800.000.000	-	16.800.000.000	-
- Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	11.781.000.000	-	11.781.000.000	-
- Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Nam	841.102.790	(680.584.599)	841.102.790	(680.584.599)
- Công ty CP PEC Hà Nội	3.000.000.000	-	3.000.000.000	-
- Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ôtô SHOWA Việt Nam	36.673.137.983	-	36.673.137.983	-
- Công ty CP Đồng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	3.621.000.000	(585.753.079)	3.621.000.000	(585.753.079)
- Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội (*)	81.741.478.800	-	-	-
- Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Siêu thị Hà Nội	170.431.509	-	170.431.509	-
	237.719.622.271	(15.386.096.250)	155.978.143.471	(15.386.096.250)

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

(*) Đây là giá trị 10% phần vốn góp tại dự án "Khu chung cư cao cấp, dịch vụ hỗn hợp - Khu đô thị Nam An Khánh - Hà Nội" thuộc lô HH3 của dự án Nam An Khánh, xã An Khánh, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội mà Công ty đã nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần IMICO với mục đích gán trừ công nợ. Căn cứ trên định hướng kinh doanh cũng như tiềm lực của Công ty, Ban Giám đốc dự kiến sẽ chuyển nhượng lại phần vốn góp này khi có điều kiện thích hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Trảng Thi, Phường Hàng Trống,
Quán Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Đầu tư vào công ty con

Thông tin chi tiết về các công ty con của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	100,00%	100,00%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng (*)	Đà Nẵng	49,79%	49,79%	Thương mại và cho thuê máy móc, thiết bị

(*) Tuy công ty chỉ nắm giữ 49,79% cổ phần trong Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Đà Nẵng nhưng trong cơ cấu điều hành thì nhân sự của Công ty chiếm 4/5 vị trí trong Hội đồng Quản trị, Trưởng ban kiểm soát cũng là người của Công ty nên Công ty có hoàn toàn quyền chỉ phối hoạt động đối với Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị dầu khí Đà Nẵng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Thông tin chi tiết về công ty liên kết của Công ty vào ngày 30/06/2016 như sau:

Tên công ty	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Thành phố Hà Nội	34,58%	34,58%	Thương mại và lắp đặt máy móc và thiết bị

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con, Công ty liên kết trong kỳ: Xem thuyết minh số 36.

Đầu tư vào đơn vị khác

Tên công ty nhận đầu tư	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty CP Thực phẩm Nghệ An	Thành phố Vinh	3,25%	3,25%	Sản xuất nước dừa
Công ty TNHH FCC Việt Nam	Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki	Hà Nội	10,00%	10,00%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Nam	Hà Nội	12,13%	12,13%	Thương mại
Công ty CP PEC Hà Nội	Hà Nội	6,00%	6,00%	Xây lắp
Công ty TNHH Phụ tùng xe máy ô tô SHOWA Việt Nam	Hà Nội	8,45%	8,45%	Sản xuất phụ tùng ô tô, xe máy
Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu Dầu khí Nhơn Trạch	Đồng Nai	1,80%	1,80%	Đóng mới, sửa chữa tàu
Đầu tư vào Dự án HH3 Nam An Khánh, Hoài Đức, Hà Nội	Hà Nội	10,00%	10,00%	Bất động sản
Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Công ty Siêu thị Hà Nội	Hà Nội	50,00%	50,00%	Thương mại

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tráng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

6 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
- Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	15.381.516.087	97.122.994.887
- Công ty CP Tập đoàn Vina Megastar	33.627.654.160	33.627.654.160
- Công ty CP XNK Tân Hồng	96.856.865.496	96.856.865.496
- Các khoản phải thu khách hàng khác	133.906.109.379	125.225.828.883
	<u>279.772.145.122</u>	<u>352.833.343.426</u>
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>26.706.868.576</u>	<u>19.854.018.220</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.		

7 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP đầu tư Công nghệ Thông Minh	2.043.669.100	-	-	-
Công ty CP vật tư và thiết bị Toàn Cầu	2.022.574.012	-	-	-
Công ty TNHH Tin học EK	2.224.094.740	-	-	-
Trả trước cho người bán khác	4.544.527.862	(918.895.664)	5.335.029.839	(918.895.664)
	<u>10.834.865.714</u>	<u>(918.895.664)</u>	<u>5.335.029.839</u>	<u>(918.895.664)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

8 . PHẢI THU KHÁC

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	36.541.770	(36.541.770)	36.541.770	(36.541.770)
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	6.699.000.000	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.779.741.177	-	1.094.740.616	-
Tạm ứng	3.077.219.500	-	2.535.796.514	-
Ký cược, ký quỹ	15.927.029	-	15.972.181	-
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	8.706.894.278	-	8.706.829.478	-
Phải thu khác	2.364.462.447	(2.262.669.095)	2.372.435.669	(2.098.383.593)
	<u>22.679.786.201</u>	<u>(2.299.210.865)</u>	<u>14.762.316.228</u>	<u>(2.134.925.363)</u>
Phải thu các bên liên quan	<u>8.706.894.278</u>	<u>-</u>	<u>8.706.894.278</u>	<u>-</u>
b) Dài hạn				
Ký cược, ký quỹ	1.000.000.000	-	1.000.000.000	-
	<u>1.000.000.000</u>	<u>-</u>	<u>1.000.000.000</u>	<u>-</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08/Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**9 . NỢ XẤU**

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar ⁽¹⁾	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160	33.627.654.160
Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng ⁽²⁾	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496	96.856.865.496
Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí IMICO ⁽³⁾	15.381.516.087	15.381.516.087	97.122.994.887	97.122.994.887
Công ty Cổ phần Viccom ⁽⁴⁾	5.606.092.500	5.606.092.500	16.172.564.700	16.172.564.700
Các đối tượng khác	68.667.572.078	51.369.180.601	70.415.548.108	53.117.156.631
	220.139.700.321	202.841.308.844	314.195.627.351	296.897.235.874

Giá trị có thể thu hồi của các khoản nợ xấu được xác định căn cứ trên dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra đối với các khoản nợ xấu.

Thông tin về các khoản nợ xấu có giá trị lớn:

(1): Tại thời điểm 30/06/2016, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Vina Megastar số tiền 33.627.654.160 đồng. Công ty đã khởi kiện Ngân hàng TMCP Đông Nam Á, là bên bảo lãnh thực hiện thanh toán cho Vina Megastar tại Tòa án Nhân dân Quận Hoàn Kiếm nên Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng không phải trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này;

(2): Tại thời điểm 30/06/2016, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Tân Hồng số tiền 96.856.865.496 đồng. Theo các hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ, hợp đồng ủy quyền, biên bản làm việc giữa Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí (PVM) và Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (PVCombank), PVCombank được toàn quyền thay mặt PVM tiến hành kiện để thu hồi nợ đối với Ngân hàng Agribank Hồng Hà là bên bảo lãnh cho Công ty CP XNK Tân Hồng. Hiện tại, PVCombank đã khởi kiện Agribank chi nhánh Hồng Hà khoản công nợ này. Do khoản công nợ này là tài sản đảm bảo cho khoản vay PVCombank theo hợp đồng tín dụng số 26/TDHM - NH/TD11 ngày 04/04/2011 mà Công ty đang trình bày trên khoản mục vay và nợ thuê tài chính ngân hàng với số tiền 96.886.978.000 đồng nên Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng không phải trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này;

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Thông tin về các khoản nợ xấu có giá trị lớn (tiếp theo):

(3): Tại thời điểm 30/06/2016, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí IMICO số tiền 15.381.516.087 đồng. Trong kỳ, công ty này đã thực hiện chuyển nhượng 10% vốn góp của Công ty Cổ phần xây lắp Dầu khí IMICO tại dự án HH3 Nam An Khánh cho phía Công ty với mục đích giảm trừ công nợ. Giá trị của 10% vốn góp tại dự án HH3 Nam An Khánh là 81.741.478.800 đồng được tính toán căn cứ trên chứng thư thẩm định của Công ty Cổ phần Thẩm định giá và Đầu tư VIC ngày 07/01/2016. Số nợ còn lại Công ty xây lắp Dầu khí IMICO cam kết sẽ thanh toán trong thời gian tới. Do đó Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng không phải trích lập dự phòng đối với khoản phải thu này.

(4): Tại thời điểm 30/06/2016, Công ty đang ghi nhận khoản phải thu Công ty Cổ phần Viccom số tiền 5.606.092.500 đồng. Trong kỳ, Công ty Cổ phần Viccom đã thực hiện chuyển nhượng mảnh đất tại phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội cho Công ty với giá trị 10.566.472.200 đồng để thanh toán một phần công nợ, phần còn lại Công ty Cổ phần Viccom cam kết sẽ thanh toán trong thời gian tới. Do đó, Ban Giám đốc Công ty tin tưởng rằng có thể thu hồi được khoản công nợ này.

10. DỰ PHÒNG NỢ PHẢI THU KHÓ ĐÓI

	30/06/2016		01/01/2016	
	Số dư nợ gốc VND	Dự phòng VND	Số dư nợ gốc VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu D&T	16.985.149.669	(16.985.149.669)	16.985.149.669	(16.985.149.669)
Công ty TNHH Vạn Phúc	7.462.098.347	(7.462.098.347)	7.462.098.347	(7.462.098.347)
Công ty TNHH Thành Đức	21.344.119.114	(21.344.119.114)	21.494.119.114	(21.494.119.114)
Công ty Cổ phần Xây lắp dầu khí	8.067.090.760	(8.067.090.760)	8.067.090.760	(8.067.090.760)
Các đối tượng khác	48.933.922.925	(20.415.206.688)	59.500.395.125	(23.071.333.068)
	102.792.380.815	(74.273.664.578)	113.508.853.015	(77.079.790.958)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

11 . HÀNG TỒN KHO

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	373.617.693	-	373.617.693	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	57.364.417.362	-	150.533.242.719	-
- Dự án cung cấp thiết bị cho cao tốc Hà Nội - Hải Phòng	37.350.865.989	-	130.690.805.538	-
- Các dự án khác	20.013.551.373	-	19.842.437.181	-
Hàng hoá	9.759.566.498	-	-	-
	<u>67.497.601.553</u>	<u>-</u>	<u>150.906.860.412</u>	<u>-</u>

12 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	1.211.033.146	5.883.637.905	598.789.536	7.693.460.587
Số dư cuối kỳ	1.211.033.146	5.883.637.905	598.789.536	7.693.460.587
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	742.792.164	4.778.860.272	566.955.435	6.088.607.871
- Khấu hao trong kỳ	30.483.714	311.992.761	10.135.224	352.611.699
Số dư cuối kỳ	773.275.878	5.090.853.033	577.090.659	6.441.219.570
Giá trị còn lại				
Tại ngày đầu năm	468.240.982	1.104.777.633	31.834.101	1.604.852.716
Tại ngày cuối kỳ	437.757.268	792.784.872	21.698.877	1.252.241.017

Trong đó:

- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.676.809.172 đồng.

13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất (*) VND	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	882.965.000	882.965.000
- Mua trong kỳ (*)	10.626.274.200	-	10.626.274.200
Số dư cuối kỳ	10.626.274.200	882.965.000	11.509.239.200
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	882.965.000	882.965.000
Số dư cuối kỳ	-	882.965.000	882.965.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	-	-	-
Tại ngày cuối kỳ	10.626.274.200	-	10.626.274.200

(*) Đây là quyền sử dụng đất vô thời hạn tại số 5 Cụm 4, phường Khương Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội Công ty nhận chuyển nhượng từ Công ty Cổ phần Viccom với mục đích gắn trừ công nợ phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tráng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

14 . BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**Bất động sản đầu tư cho thuê**

	Giá trị quyền sử dụng đất VND	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Cộng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	7.779.542.940	9.766.080.000	17.545.622.940
Số dư cuối kỳ	<u>7.779.542.940</u>	<u>9.766.080.000</u>	<u>17.545.622.940</u>
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	5.834.657.198	7.497.080.763	13.331.737.961
- Khấu hao trong kỳ	972.442.866	998.678.454	1.971.121.320
Số dư cuối kỳ	<u>6.807.100.064</u>	<u>8.495.759.217</u>	<u>15.302.859.281</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	1.944.885.742	2.268.999.237	4.213.884.979
Tại ngày cuối kỳ	<u>972.442.876</u>	<u>1.270.320.783</u>	<u>2.242.763.659</u>

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	67.705.869	80.917.212
	<u>67.705.869</u>	<u>80.917.212</u>
b) Dài hạn		
Lợi thế giá trị thương hiệu khi cổ phần hóa	36.385.792	39.296.656
Lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa (*)	28.542.933.921	28.542.933.921
Tiền thuê văn phòng	12.611.771.485	13.932.326.723
Chi phí sửa chữa văn phòng	407.899.603	687.332.372
	<u>41.598.990.801</u>	<u>43.201.889.672</u>

(*) Theo Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05 tháng 09 năm 2014 về hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp khi thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước thành Công ty Cổ phần, kể từ năm 2014 Công ty được bù trừ lợi thế vị trí địa lý khi cổ phần hóa với tiền thuế đất phải nộp hàng năm nên Công ty không phân bổ lợi thế vị trí địa lý vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ và sẽ bù trừ với tiền thuế đất phải nộp Nhà nước sau khi được cơ quan thuế quản lý chấp thuận. Đến thời điểm 30 tháng 06 năm 2016, Công ty đang thực hiện các thủ tục để bù trừ giá trị lợi thế vị trí địa lý vào tiền thuế đất phải nộp được trình bày tại thuyết minh số 18- chi phí phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

16 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty CP cơ khí công nghiệp Long Biên	3.530.290.577	3.530.290.577	4.261.732.805	4.261.732.805
Công ty CP Xây lắp 1 - Petrolimex	2.789.092.560	2.789.092.560	491.831.468	491.831.468
Công ty TNHH IPC	9.913.090.886	9.913.090.886	-	-
Phải trả các đối tượng khác	18.414.726.789	18.414.726.789	57.414.892.402	57.414.892.402
	<u>34.647.200.812</u>	<u>34.647.200.812</u>	<u>62.168.456.675</u>	<u>62.168.456.675</u>
b) Phải trả người bán là các bên liên quan				
	<u>1.791.754.554</u>	<u>1.791.754.554</u>	<u>4.416.611.819</u>	<u>4.416.611.819</u>

Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.

17 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thi công cơ giới lắp máy Dầu Khí	1.009.800.000	1.009.800.000
Công ty Cổ phần xây dựng và dịch vụ Khánh Hòa	499.800.000	-
Tổng Công ty phát triển hạ tầng và Đầu tư tài chính Việt Nam	965.423.333	25.547.245.522
Các đối tượng khác	61.959.043	4.870.234.724
	<u>2.536.982.376</u>	<u>31.427.280.246</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ ĐẦU KHÍ

Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**18 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Số phải thu đầu năm		Số phải nộp đầu năm		Số phải nộp trong kỳ		Số đã thực nộp trong kỳ		Số phải thu cuối kỳ		Số phải nộp cuối kỳ	
	VND		VND		VND		VND		VND		VND	
Thuế Giá trị gia tăng	-		5.630.032.355		327.195.481		4.417.609.935		-		1.539.617.901	
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-		-		14.727.309		14.727.309		-		-	
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	123.847.491		-		-		-		123.847.491		-	
Thuế Thu nhập cá nhân	-		534.283.840		186.223.694		700.845.566		-		19.661.968	
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	135.000.000		-		22.939.200		45.878.400		157.939.200		-	
Các loại thuế khác	-		2.120.038.760		7.760.072.856		1.298.456.609		10.244.298		8.591.899.305	
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-		1.712.567		5.325.935		5.208.266		-		1.830.236	
	258.847.491		8.286.067.522		8.316.484.475		6.482.726.085		292.030.989		10.153.009.410	

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

19 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	30/06/2016	01/01/2016
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	2.144.733.560	1.913.522.609
- Chi phí phải trả tiền thuê nhà, thuê đất tại số 08 Trưng Thi	14.458.566.649	12.058.979.856
- Trích trước khác	-	160.000.000
	16.603.300.209	14.132.502.465

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

20 . PHẢI TRẢ KHÁC

	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Kinh phí công đoàn	86.005.764	138.071.552
- Bảo hiểm xã hội	235.359.149	-
- Bảo hiểm y tế	32.379.463	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	14.345.190	-
- Phải trả về cổ phần hoá	27.137.967.061	27.137.967.061
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	17.389.780.678	1.936.240.678
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	424.990.450	486.695.746
	<u><u>45.320.827.755</u></u>	<u><u>29.698.975.037</u></u>
b) Dài hạn		
- Phải trả hợp đồng hợp tác kinh doanh nhà 1,3,5 Đinh Tiên Hoàng	6.846.234.536	6.846.234.536
	<u><u>6.846.234.536</u></u>	<u><u>6.846.234.536</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trang Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

21 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH

	01/01/2016		Trong kỳ		30/06/2016	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn	150.564.087.739	150.564.087.739	19.216.082.625	44.898.115.421	124.882.054.943	124.882.054.943
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm ⁽¹⁾	12.013.494.318	12.013.494.318	-	116.000.000	11.897.494.318	11.897.494.318
- Ngân hàng TMCP Đại Chúng Việt Nam (PVcombank) ⁽²⁾	100.886.978.000	100.886.978.000	-	4.000.000.000	96.886.978.000	96.886.978.000
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng ⁽³⁾	37.663.615.421	37.663.615.421	19.216.082.625	40.782.115.421	16.097.582.625	16.097.582.625
Vay dài hạn	4.546.475.000	4.546.475.000	-	1.445.150.000	3.101.325.000	3.101.325.000
- Vay cá nhân ⁽⁴⁾	4.546.475.000	4.546.475.000	-	1.445.150.000	3.101.325.000	3.101.325.000
	155.110.562.739	155.110.562.739	19.216.082.625	46.343.265.421	127.983.379.943	127.983.379.943
b) Vay dài hạn	4.546.475.000	4.546.475.000	-	1.445.150.000	3.101.325.000	3.101.325.000
- Vay cá nhân ⁽⁴⁾	4.546.475.000	4.546.475.000	-	1.445.150.000	3.101.325.000	3.101.325.000
	(4.546.475.000)	(4.546.475.000)	-	(1.445.150.000)	(3.101.325.000)	(3.101.325.000)
Khoản nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng						
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng						

Thông tin bổ sung cho các khoản vay ngắn hạn

STT	Ngân hàng / Hợp đồng	Lãi suất	Thời hạn hợp đồng	Số dư nợ gốc vay đến 30/06/2016	Mục đích vay	Phương thức đảm bảo tiền vay
1	Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Hoàn Kiếm Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 1784.12.057.597402 ngày 08/11/2012, văn bản sửa đổi Hợp đồng số 01 ngày 19/03/2014	Lãi suất: 9%/năm, có điều chỉnh theo từng thời kỳ	Thời hạn hợp đồng đến ngày 31/03/2015	11.897.494.318	Thanh toán tiền thực hiện hợp đồng 04/2011/LPG/PVMACHINO - VINH NAM và 1 số hợp đồng khác	Tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ hàng hóa theo hợp đồng số 04/2011/LPG/PVMACHINO - VINH NAM ngày 09/09/2012 trị giá 924.339 USD
	Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 90012.057.597402 ngày 22/06/2012, văn bản sửa đổi Hợp đồng số 01 ngày 19/03/2014	Lãi suất: 9%/năm, có điều chỉnh theo từng thời kỳ	Thời hạn hợp đồng đến ngày 31/03/2015	787.494.318	Thanh toán nhằm thực hiện hợp đồng số 337/2010/HDCC/PVC/BDH-PVMACHINO ngày 22/12/2010 với ban điều hành dự án xây dựng công trình kho chứa lạnh LPG Thị Vải, phụ lục hợp đồng số 140/PL/HD/PVC PT-PVMACHINO ngày 15/06/2011	Tài sản hình thành từ vốn vay hoặc quyền đòi nợ theo hợp đồng số 337/2010/HDCC/PVC/BDH-PVMACHINO ngày 22/12/2010.
	Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 2046.057.597402 ngày 21/12/2012, văn bản sửa đổi Hợp đồng số 01 ngày 19/03/2014	Lãi suất: 9%/năm, có điều chỉnh theo từng thời kỳ	Thời hạn hợp đồng đến ngày 31/03/2015	7.110.000.000	Thanh toán tiền thực hiện hợp đồng 03/2011/LPG/PVMACHINO - ALPHA ECC cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Nam;	Tài sản hình thành từ vốn vay là toàn bộ hàng hóa theo hợp đồng số 02/2011/LPG/PVMACHINO - MICP ngày 30/06/2012 trị giá 1.550.362 USD
2	Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam Hợp đồng tín dụng số 26/TDHM-NH/TD11, công văn 3137/TCĐK-TTGDHO ngày 29/05/2013 về việc thông báo lãi suất và trả nợ trước hạn	Chi tiết theo từng giấy nhận nợ	Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ tối đa không quá 6 tháng	96.886.978.000 96.886.978.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Thẻ chấp hàng hóa hình thành từ vốn vay và/hoặc quyền đòi nợ tương ứng với phương án vay vốn từng lần
	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hai Bà Trưng Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2015/339/HDTD ngày 15 tháng 06 năm 2015 và phụ lục gia hạn nợ thời điểm 30/6/2016 là 9,2% ngày 27/05/2016	Lãi suất cho vay áp dụng tại nhận nợ tối đa không quá 6 tháng	Thời hạn vay của mỗi lần nhận nợ tối đa không quá 6 tháng	16.097.582.625 16.097.582.625	Thanh toán tiền thực hiện các hợp đồng số 0608/2015/HD/MTB-EK ngày 6/8/2015, hợp đồng số 0608/2015/HD/MTB-EK ngày 6/8/2016, thanh toán tiền cho Công ty Viking HD01072015, thanh toán tiền cho Công ty EK Phạm Lê HD 2407 và HD0505	Khoản phải thu từ Chủ đầu tư theo tiến độ của Dự án EX13
Tổng cộng				124.882.054.943		

Thông tin bổ sung cho khoản vay dài hạn

(4) Các khoản vay cá nhân, lãi suất 5% - 6%/năm; thời hạn vay đến năm 2016, tổng số dư vay là 3.101.325.000 đồng, trong đó nợ đến hạn trả đến 31/12/2016 là 3.101.325.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trang Thi, Phường Hàng Trống, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

22 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Cộng
	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	386.386.000.000	15.158.267.465	18.946.186.879	420.490.454.344
Lãi trong kỳ trước	-	-	5.983.676.144	5.983.676.144
Số dư cuối kỳ trước	386.386.000.000	15.158.267.465	24.929.863.023	426.474.130.488
Số dư đầu năm nay	386.386.000.000	15.158.267.465	32.034.898.556	433.579.166.021
Lãi trong kỳ này	-	-	12.598.140.513	12.598.140.513
Phân phối lợi nhuận	-	921.554.071	(18.220.102.212)	(17.298.548.141)
Số dư cuối kỳ này	386.386.000.000	16.079.821.536	26.412.936.857	428.878.758.393

Theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 04 năm 2016, Công ty công bố việc phân phối lợi nhuận như sau:

	Tỷ lệ	Số tiền
	%	VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2015	100,00%	18.431.081.412
Trích Quỹ đầu tư phát triển	5,00%	921.554.071
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10,00%	1.843.108.141
Chi trả cổ tức (bằng 4% vốn điều lệ)	83,86%	15.455.440.000
Lợi nhuận chưa phân phối	1,14%	210.979.200

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	Cuối kỳ VND	Tỷ lệ (%)	Đầu kỳ VND
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	51,58%	199.297.898.800	51,58%	199.297.898.800
Các cổ đông khác	48,42%	187.088.101.200	48,42%	187.088.101.200
	100%	386.386.000.000	100%	386.386.000.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	386.386.000.000	386.386.000.000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	386.386.000.000	386.386.000.000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	386.386.000.000	386.386.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	15.455.440.000	-
- <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận kỳ trước</i>	15.455.440.000	-

d) Cổ phiếu

	30/06/2016	01/01/2016
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	38.638.600	38.638.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.638.600	38.638.600
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	38.638.600	38.638.600
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	38.638.600	38.638.600
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

e) Các quỹ công ty

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Quỹ đầu tư phát triển	16.079.821.536	15.158.267.465
	16.079.821.536	15.158.267.465

23 . CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

a) Tài sản nhận giữ hộ

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
- Vật tư hàng hóa nhận giữ hộ, gia công, nhận ủy thác	51.156.113	51.156.113

b) Ngoại tệ các loại

	30/06/2016	01/01/2016
- Đồng đô la Mỹ (USD)	2.092,60	2.111,30

c) Nợ khó đòi đã xử lý

	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
	13.933.607.722	13.963.451.108

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

24 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Doanh thu bán hàng hóa	179.535.979.711	298.238.930.418
Doanh thu cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư	7.552.536.781	9.246.084.228
Doanh thu hợp đồng xây dựng	123.043.186.306	1.927.552.429
- <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ</i>	123.043.186.306	1.927.552.429
- <i>Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính</i>	148.571.884.455	19.805.593.649
	<u>310.131.702.798</u>	<u>309.412.567.075</u>
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 36.)	<u>7.021.508.233</u>	<u>-</u>

25 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán	178.861.687.794	290.562.157.650
Chi phí cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư	7.176.054.463	7.078.554.955
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	104.433.151.779	1.767.707.687
	<u>290.470.894.036</u>	<u>299.408.420.292</u>

26 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	870.836.237	638.846.647
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.896.086.172	5.710.734.948
- <i>Công ty TNHH Vietnam Nippon Seiki</i>	6.197.086.172	5.710.734.948
- <i>Công ty TNHH FCC Việt Nam</i>	6.699.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	-	68.027.630
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	288.105.036
	<u>13.766.922.409</u>	<u>6.705.714.261</u>

27 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Lãi tiền vay	1.661.284.093	433.982.832
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	2.052.975	306.401.579
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	376.669	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	1.605.547.990
	<u>1.663.713.737</u>	<u>2.345.932.401</u>

28 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

Chi phí nguyên liệu, vật liệu
Chi phí nhân công
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí khác bằng tiền

6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
38.555.430	54.979.103
1.878.159.723	886.959.563
726.111.524	674.862.779
402.658.073	507.983.549
3.045.484.750	2.124.784.994

29 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Chi phí nguyên liệu, vật liệu
Chi phí nhân công
Chi phí khấu hao tài sản cố định
Thuế, phí, lệ phí
Chi phí dự phòng
Chi phí dịch vụ mua ngoài
Chi phí khác bằng tiền

6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
268.764.338	269.003.681
5.974.171.337	3.532.178.201
352.611.699	444.857.877
36.257.628	43.530.275
(2.806.126.380)	(3.735.671.575)
1.533.368.395	2.671.835.925
2.931.595.094	2.879.649.692
8.290.642.111	6.105.384.076

30 . CHI PHÍ KHÁC

Tiền phạt chậm nộp và phạt vi phạm luật thuế
Chi phí khác

6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
7.829.480.073	-
4.400.025	202.865.844
7.833.880.098	202.865.844

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế
Các khoản điều chỉnh tăng
- Chi phí không hợp lệ
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ
Các khoản điều chỉnh giảm
- Cổ tức, lợi nhuận được chia
- Lãi đánh giá lại ngoại tệ cuối kỳ
- Chuyển lỗ các năm trước
Thu nhập tính thuế TNDN

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp đầu kỳ
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp trong kỳ
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ

6 tháng đầu năm 2016 VND	6 tháng đầu năm 2015 VND
12.598.140.513	5.983.676.144
12.042.271.444	202.865.844
12.041.894.775	202.865.844
376.669	-
(24.640.411.957)	(6.186.541.988)
(12.896.086.172)	(5.710.734.948)
-	(292.805.036)
(11.744.325.785)	(183.002.004)
-	-
-	-
(123.847.491)	3.709.786.925
-	(3.833.634.416)
(123.847.491)	(123.847.491)

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

32 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	6 tháng đầu năm 2016	6 tháng đầu năm 2015
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	307.319.768	408.352.473
Chi phí nhân công	10.384.004.786	5.160.810.952
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.323.733.019	2.687.380.575
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.238.563.730	10.006.325.470
Chi phí khác bằng tiền	3.465.622.529	3.651.296.878
	36.719.243.832	21.914.166.348

33 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	30/06/2016		01/01/2016	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.772.453.465	-	93.785.697.911	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	302.645.736.317	(73.354.768.914)	368.595.659.654	(76.160.895.294)
Đầu tư dài hạn	156.644.151.082	(3.282.337.678)	74.902.672.282	(3.282.337.678)
	549.062.340.864	(76.637.106.592)	537.284.029.847	(79.443.232.972)

	Giá trị sổ kế toán	
	30/06/2016 VND	01/01/2016 VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	127.983.379.943	155.110.562.739
Phải trả người bán, phải trả khác	86.814.263.103	98.713.666.248
Chi phí phải trả	16.603.300.209	14.132.502.465
	231.400.943.255	267.956.731.452

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Tổng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	89.772.453.465	-	-	89.772.453.465
Phải thu khách hàng, phải thu khác	228.290.967.403	1.000.000.000	-	229.290.967.403
Đầu tư dài hạn	-	153.361.813.404	-	153.361.813.404
	318.063.420.868	154.361.813.404	-	472.425.234.272
Tại ngày 01/01/2016				
Tiền và các khoản tương đương tiền	93.785.697.911	-	-	93.785.697.911
Phải thu khách hàng, phải thu khác	291.434.764.360	1.000.000.000	-	292.434.764.360
Đầu tư dài hạn	-	71.620.334.604	-	71.620.334.604
	385.220.462.271	72.620.334.604	-	457.840.796.875

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍSố 08 Tràng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam**Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Từ 1 năm trở xuống VND	Trên 1 năm đến 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 30/06/2016				
Vay và nợ	127.983.379.943	-	-	127.983.379.943
Phải trả người bán, phải trả khác	79.968.028.567	6.846.234.536	-	86.814.263.103
Chi phí phải trả	16.603.300.209	-	-	16.603.300.209
	224.554.708.719	6.846.234.536	-	231.400.943.255
Tại ngày 01/01/2016				
Vay và nợ	155.110.562.739	-	-	155.110.562.739
Phải trả người bán, phải trả khác	91.867.431.712	6.846.234.536	-	98.713.666.248
Chi phí phải trả	14.132.502.465	-	-	14.132.502.465
	261.110.496.916	6.846.234.536	-	267.956.731.452

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là có thể kiểm soát được. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

34 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

35 . BÁO CÁO BỘ PHẬN

Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động thương mại	Hoạt động cung cấp dịch vụ, kinh doanh bất động sản đầu tư	Hoạt động xây lắp	Hoạt động khác	Tổng cộng các bộ phần	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	179.535.979.711	7.552.536.781	123.043.186.306	-	310.131.702.798	310.131.702.798
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	674.291.917	376.482.318	18.610.034.527	-	19.660.808.762	19.660.808.762
Tổng chi phí mua TSCĐ	-	-	-	10.626.274.200	10.626.274.200	10.626.274.200
Tài sản bộ phận	274.314.151.251	2.530.280.989	73.743.377.310	-	350.587.809.550	350.587.809.550
Tài sản không phân bổ	-	-	-	-	327.217.441.188	327.217.441.188
Tổng tài sản	274.314.151.251	2.530.280.989	73.743.377.310	-	677.805.250.738	677.805.250.738
Nợ phải trả bộ phận	29.316.007.293	-	7.868.175.895	-	37.184.183.188	37.184.183.188
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	211.742.309.157	211.742.309.157
Tổng nợ phải trả	29.316.007.293	-	7.868.175.895	-	248.926.492.345	248.926.492.345

Theo khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam, do đó Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY - THIẾT BỊ DẦU KHÍ

Số 08 Trưng Thi, Phường Hàng Trống,
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 30/06/2016

36 . NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>
		VND	VND
Doanh thu		7.021.508.233	-
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	39.191.454	-
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	884.991.909	-
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Công ty mẹ	6.097.324.870	-
Mua hàng		1.610.280.876	-
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	1.610.280.876	-

Số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	<u>Mối quan hệ</u>	<u>30/06/2016</u>	<u>01/01/2016</u>
		VND	VND
Phải thu khách hàng		26.706.868.576	19.854.018.220
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	72.052.243	42.196.261
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	19.927.758.976	19.811.821.959
Chi nhánh Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - Công ty Điện lực Dầu khí Hà Tĩnh	Công ty mẹ	6.707.057.357	-
Phải thu khác		8.706.894.278	8.706.894.278
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	8.706.894.278	8.706.894.278
Phải trả		1.791.754.554	4.416.611.819
Công ty Cổ phần Máy - Thiết bị Dầu khí Miền Bắc Việt Nam	Công ty liên kết	-	907.144.187
Công ty TNHH MTV Máy - Thiết bị Dầu khí Sài Gòn	Công ty con	1.791.754.554	3.509.467.632

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>6 tháng đầu năm 2016</u>	<u>6 tháng đầu năm 2015</u>
	VND	VND
Thu nhập của Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị	1.302.155.425	1.440.086.213

37 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng Cân đối kế toán riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được Công ty TNHH Hàng Kiểm toán AASC kiểm toán. Số liệu so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ và các thuyết minh tương ứng là số liệu của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2015 đến ngày 30/06/2015.



Lý Lệ Ninh
Người lập



Hoàng Minh Đức
Kế toán trưởng



Nguyễn Đình Trung
Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 07 năm 2016

